

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG KHÁNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 33/2023/ HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 6 - 2023

“ V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con ”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Long Khánh, ngày 26 tháng 6 năm 2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG KHÁNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phí Thị Hồng Năm.

- Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Trọng Vinh

2/ Bà Nguyễn Thị Mỹ Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Nam - Thư ký TAND thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện VKS nhân dân thành phố L, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn C - Kiểm sát viên.

Ngày 26/06/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 732/2022/TLST-HNGĐ ngày 20/12/2022, về việc: “ Ly hôn, tranh chấp nuôi con ” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29/5/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 25/QĐST-HNGĐ ngày 19/06/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hồ Thị T, sinh năm 1994. Hộ khẩu thường trú: Tổ C, khu V, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Chỗ ở: Tổ A, khu phố B, phường B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Hà Thành V, sinh năm 1984. Hộ khẩu thường trú: Tổ C, khu V, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Chỗ ở: Tổ A, khu phố B, phường B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt).

- Người làm chứng :

1. Bà Ngô Thị X, sinh năm 1968. Địa chỉ: Thôn D, xã E, huyện M - tỉnh Đăklăk.(Vắng mặt).

2. Ông Hà Thành C1, sinh năm 1952. Địa chỉ: Tổ C, khu V, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định.(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tường trình, biên bản lấy lời khai nguyên đơn bà Hồ Thị T trình bày:

Vào năm 2018, bà và ông V tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Thời gian đầu chung sống với nhau hạnh phúc, nhưng khoảng đầu năm 2019 bà nhận thấy ông bà không hiểu nhau, bà và ông V có nhiều khác biệt trong cách sống, quan điểm sống và phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được dẫn đến không khí gia đình luôn căng thẳng. Mặc dù là vợ chồng nhưng hai vợ chồng không giao tiếp với nhau, không có tiếng nói chung. Ông V thường xuyên chửi bới, chửi thề xúc phạm bà, thậm chí thường xuyên đe dọa đòi giết bà. Sống trong gia đình nhưng lúc nào bà cũng bất an, lo sợ. Vợ chồng đã ly thân được 01 năm nhưng những lần gặp nhau vẫn cãi và không chịu thay đổi.

Nay bà nhận thấy không thể có một cuộc hôn nhân hạnh phúc, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, tình trạng hôn nhân đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và cần phải ly hôn để tạo điều kiện cho cả hai có thể tạo dựng cuộc sống mới của mình. Vì thế bà mong Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông V.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Hà Đại V1 sinh ngày 14/7/2019. Khi ly hôn bà xin được nuôi cháu V1. Không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tài liệu, chứng cứ bà T đã giao nộp cho Tòa án: CCCD, Hộ khẩu, Giấy khai sinh, Đăng ký kết hôn, bản tự khai, đơn xin vắng mặt. Đơn xác nhận. Xác nhận bằng lương.

- Theo bản tường trình, đơn đề nghị và biên bản lấy lời khai bị đơn ông Hà Thành V trình bày:

Ông và bà T có đăng ký kết hôn, được chính quyền địa phương cấp giấy đăng ký kết hôn. Khi kết hôn không vi phạm điều kiện kết hôn theo luật định, là hôn nhân

hợp pháp. Trong quá trình chung sống những năm đầu hòa hợp, hạnh phúc, có những lúc cũng xảy ra cự cãi, rồi cũng hòa hợp lại cho đến cuối năm 2021. Từ đầu năm 2022 vợ ông luôn hay gây sự và tìm có ly hôn. Cha mẹ hai bên đều khuyên bảo và tác hợp. Bà T cho rằng ông lấy dao dọa giết bà T là không đúng sự thật, ông chỉ cầm dao dọa con chó cưng của bà T mà thôi. Nay bà T yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý vì ông thương yêu vợ rất nhiều và luôn ý thức trách nhiệm phải yêu thương và chăm sóc vợ đến hết cuộc đời này. Đồng thời ông cũng rất yêu thương con trai, ông không muốn con trai phải chịu cảnh chia lìa mẹ cha vì như thế sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển về tâm lý của con. Ông không đồng ý ly hôn với bất kỳ lý do gì. Nếu vợ ông quyết tâm ly hôn mà Tòa chấp nhận cho ly hôn đơn phương thì Tòa nên để quyền nuôi con cho ông vì ông có điều kiện hơn về hoạt động kiếm tiền và tự do về thời gian trong công việc, còn vợ ông chỉ có mỗi một công việc là đi làm thuê cho công ty nên khó ổn định. Ông không cần bà T cấp dưỡng tiền nuôi con và thậm chí nếu công việc tốt hơn ông sẽ lo cho bà T khi bà gặp khó khăn. Từ tháng 5/2022 ông bị bà T đuổi ra khỏi nhà và hiện tại ở dưới trại gà ấp B, xã B, thành phố L, Đồng Nai. Tháng 3 năm 2022 thì có thông tin vợ ông có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác nhưng ông không có chứng cứ. Bà T luôn gây sự và tìm có ly hôn với ông. Hiện nay ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Hà Đại V1 sinh ngày 14/7/2019. Ông giành quyền nuôi con vì lý do sau đây: Ông hiện nay có đủ điều kiện nuôi con thu nhập hàng tháng của ông ổn định khoảng 100.000.000đ, thời gian công việc của ông tự do nên sẽ đảm bảo chăm sóc giáo dục con chung.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết

Về nợ chung: không có

Tài liệu, chứng cứ ông V đã giao nộp cho Tòa án: CCCD, bản tự khai.

Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: Biên bản đối chất, biên bản xác minh, biên bản lấy lời khai của bà X, ông C1.

I. Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân thành phố Long Khánh phát biểu về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án:

1. Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Ngày 20/12/2022, Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh thụ lý, Ngày 19/4/2023, Tòa án gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử, ngày 29/5/2023, Tòa án ra QĐ đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định về thời hạn chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 203 BLTTDS.

- Về quan hệ pháp luật: bà T khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với ông V nên quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn” là đúng quy định của pháp luật.

- Về tư cách pháp lý của người tham gia tố tụng:

Đối với nguyên đơn, bị đơn. bà T là người khởi kiện, ông V là người bị kiện nên tư cách tố tụng của bà T là nguyên đơn, ông V. là bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

- Về thu thập chứng cứ: đúng, theo quy định tại Điều 95, 96 BLTTDS.

- Thẩm quyền về thụ lý vụ án: Theo Quy định tại, Điều 26, Điều 35, Điều 39 BLTTDS thì thẩm quyền của Tòa án giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh.

- Thời gian gửi hồ sơ cho VKS nghiên cứu: đúng theo quy định của BLTTDS.

- Cấp tổng đạt văn bản tố tụng: theo đúng quy định của pháp luật

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử (Hội đồng giải quyết việc dân sự; Hội đồng xét đơn yêu cầu), Thư ký phiên tòa (phiên họp)

Tại phiên toà Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ do pháp luật quy định

3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng

Từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 72, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

II. VỀ VIỆC GIẢI QUYẾT VỤ ÁN

Bà T và ông V kết hôn với nhau từ năm 2018 tại thành phố Q, tỉnh Bình Định, có với nhau 1 con chung là cháu Hà Đại V1, sinh năm 2019, tài sản chung, nợ chung không có.

Từ năm 2019 đến nay hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn thường xuyên cãi vã, cuộc sống chung không hạnh phúc, từ tháng 3/2022 đến nay đã sống ly thân với nhau nên bà T yêu cầu ly hôn. Ông V thừa nhận cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc nhưng không đồng ý ly hôn.

Nhận thấy: Mâu thuẫn giữa vợ chồng ông V, bà T đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc, không thể kéo dài nên có cơ sở để chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

Về con chung. Cháu V1 hiện đang còn nhỏ và sống chung với bà T, bản thân bà T đủ điều kiện để nuôi con nên có cơ sở để giao cháu V1 cho bà T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tạm thời ông V không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét.

Về án phí. Đương sự phải đóng án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết: Bà Hồ Thị T có yêu cầu ly hôn và tranh chấp về người trực tiếp nuôi con với ông Hà Thành V nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng, thủ tục tố tụng: Bà Hồ Thị T có đơn khởi kiện đối với ông Hà Thành V vào ngày 20/12/2022 nên bà T được xác định là nguyên đơn, còn ông V là bị đơn. Ngày 26/5/2023 bà T có đơn xin xét xử vắng mặt. Ngày 19/6/2023 Tòa án hoãn phiên tòa do ông V không đến, ngày 26/6/2023 Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục chung được quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Bà Hồ Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với ông Hà Thành V và có yêu cầu nuôi con.

3.1. Xét yêu cầu xin ly hôn của bà T, HĐXX nhận định: Bà Hồ Thị T và ông Hà Thành V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 01/06/2018 là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo hộ. Thời gian đầu về chung sống hạnh phúc đến năm 2019 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nên cuộc sống chung không hạnh phúc với nhiều lý do khác nhau, không dung hòa được mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Điều này được nguyên đơn, bị đơn thừa nhận. Quá trình giải quyết vụ án, ông V cũng xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn, hiện nay ông V xác định vẫn còn tình cảm với bà T và cũng không muốn ảnh hưởng đến con cái khi cha và mẹ ly tán nên ông V không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên theo bà T khai trước đây bản thân ông V đã gửi đơn

xin ly hôn một lần tại Q, sau được gia đình hòa giải nên đã rút đơn. Từ đó tình cảm vợ chồng mâu thuẫn, Nên ngày 20/12/2022 bà T đưa đơn xin ly hôn. Theo bà T, ông V không muốn ly hôn và muốn nuôi con nhưng từ khi đưa đơn lên Tòa đến nay vợ chồng cũng không có tiếng nói chung, mạnh ai nấy sống, vợ chồng không còn sống chung. Ông V nói muốn nuôi con nhưng không trợ cấp nuôi con với bà, một mình bà nuôi con. Tòa án tiến hành mời ông V lên tham gia hòa giải nhưng ông V vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử xem tình tiết này là sự thật và xác định, tình trạng hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do đó, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận.

3.2. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Hà Đại V1 sinh ngày 14/7/2019. Khi ly hôn bà T yêu cầu được nuôi cháu V1 và không yêu cầu ông V phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu nuôi con của bà T HĐXX nhận thấy: cháu Hà Đại V1 sinh ngày 14/7/2019 mới có 3 tuổi 11 tháng 12 ngày. Hiện nay cháu V1 đang ở với bà T. Khi ly hôn, ông V, bà T đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con. Trường hợp được chấp nhận yêu cầu nuôi con, ông V, bà T đều không có ai yêu cầu cấp dưỡng. Nhận thấy, bà T có nghề nghiệp, thu nhập ổn định do bà T cung cấp bảng lương, còn ông V cho rằng tháng thu nhập 100.000.000đ nhưng không có chứng cứ chứng minh cũng như không cung cấp tài liệu liên quan đến công việc, thu nhập của ông V. Bà T là người trực tiếp chăm sóc con từ khi còn nhỏ cho đến nay. Do đó, nhận thấy khả năng chăm sóc nuôi con của bà T là tốt hơn ông V. Ngoài ra, cháu V1 đang còn nhỏ. Như vậy, có đủ căn cứ để xác định, cho đến thời điểm hiện nay, bà T là người đang trực tiếp nuôi con vẫn có đủ các điều kiện về vật chất để đảm bảo cho con ăn, ở, sinh hoạt, học tập, điều kiện về tinh thần và đảm bảo có thời gian chăm sóc, dạy dỗ, giáo dục con, tạo điều kiện cho con phát triển nhân cách, đạo đức, lối sống. Vì vậy việc bà T yêu cầu nuôi con phù hợp với quy định của pháp luật nên có căn cứ giao cháu H Đại Việt sinh ngày 14/7/2019 cho bà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời ông V không phải cấp dưỡng nuôi con do bà T không yêu cầu.

Sau khi ly hôn ông V được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết ông V, bà T có quyền yêu cầu thay đổi quyền nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3.3. Về tài sản chung: Không có không yêu cầu giải quyết

3.4. Về nợ chung: Không có.

[4]. Về án phí: bà **T** phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí bà **T** đã nộp là 300.000đ. Theo biên lai thu tiền số 0006337 ngày 20/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Khánh.

[5]. Xét quan điểm của Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, 228, 235, 266, 271, 273, 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Hồ Thị T**.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà **Hồ Thị T** được ly hôn với ông **Hà Thành V**.

2. Về con chung: Giao cháu **Hà Đại V1** sinh ngày 14/7/2019 cho bà **Hồ Thị T** được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành. Tạm thời ông **Hà Thành V** không phải cấp dưỡng nuôi con do bà **T** không yêu cầu.

Ông **Hà Thành V** được quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết, ông **V**, bà **T** được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà **Hồ Thị T** phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí bà **T** đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0006337 ngày 20/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Khánh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai
 - Viện KSND tỉnh Đồng Nai;
 - Viện KSND tp. Long Khánh;
 - Chi cục THA dân sự tp. Long Khánh.;
 - UBND phường Nhơn Bình,
- thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
(số 59 ngày 01/6/2018);
- Các đương sự;
 - Lưu HS, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Phí Thị Hồng Năm